TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2017/HC-ST
Ngày: 13/11/2017.
V/v Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Văn Tánh;

2. Ông Đặng Xuân Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/7/2017, 18/7/2017 và 13/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/HC-ST ngày 13/4/2017 về việc "Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXXST-HC ngày 09/6/2017 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 02/2017/QĐST-HC ngày 23/10/2017, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA (gọi tắt là Công ty); địa chỉ: Số X, đường số Y, Khu công nghiệp VS, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông G M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên và ông J P, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Hồng L, chức vụ: Kế toán trưởng và ông Nguyễn Quốc T. Cùng địa chỉ: Phòng A, Tòa nhà SW, số B đường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017); có mặt.

- *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Số M đường Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Đình Tr – Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền số 7378/CT-UQ ngày 04/5/2017). Ngày 12/5/2017, ông Huỳnh Đình Tr có đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Luật sư Nguyễn Văn P

– Công tác tại Công ty Luật B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2017, người khởi kiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA trình bày:* Dựa trên kết luận thanh tra thuế số 19247/KL-CT ngày 30/12/2016 tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA (gọi tắt là Công ty) niên độ năm 2012 đến 2015, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty, theo đó Công ty phải nộp số tiền thuế truy thu và tiền phạt tổng cộng là 2.562.548.901 đồng, bao gồm: Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (viết tắt là TNDN) số tiền 1.539.253.304 đồng; phạt vi phạm hành chính kê khai sai số tiền 307.850.661 đồng và phạt vi phạm chậm nộp tiền thuế số tiền 715.444.936 đồng.

Căn cứ mà Đoàn Thanh tra đưa ra trong Kết luận số 19247/KL-CT ngày 30/12/2016 để thực hiện việc truy thu thuế và phạt vi phạm đối với Công ty là tính lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính về *"chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư thường xuyên"*. Mặc dù, không đồng ý với Kết luận số 19247/KL-CT và Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương, nhưng Công ty vẫn chấp hành nghĩa vụ nộp thuế bằng việc đóng đủ số tiền 2.562.548.901 đồng vào ngân sách Nhà nước ngày 19/01/2017. Tuy nhiên, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương và yêu cầu Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho Công ty số tiền 2.562.548.901 đồng mà Công ty đã đóng vào ngân sách Nhà nước vì các lí do:

Thứ nhất, căn cứ pháp lý của việc truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính về thuế là kết luận tại mục 1 phần B Kết luận số 19247/KL-CT ngày 30/12/2016 của Đoàn Thanh tra là tính lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn *"chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư thường xuyên"* giai đoạn năm 2009 – năm 2013. Công ty không đồng ý áp dụng Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính đối với Công ty, vì: Công ty có hoạt động đầu tư thường xuyên trong năm 2013, nhưng hoạt động đầu tư thường xuyên này không phải là nguyên nhân của việc tăng công suất sản xuất của Công ty lên 1.737 tấn trong năm 2013, cụ thể:

- Thời điểm tháng 01 năm 2007, khi thành lập Công ty để thực hiện dự án, chủ đầu tư đã ước tính quy mô sản xuất là 1.350 tấn/năm. Sau khi đi vào hoạt động ổn định, năm 2012 và năm 2013 sản lượng của Công ty đã vượt hơn mức đăng ký ban đầu, lần lượt là 1.365 tấn/năm và 1.737 tấn/năm. Tuy nhiên, sản lượng tăng lên là nhờ vào hiệu suất công việc cao hơn ước tính ban đầu của chủ đầu tư và hoàn toàn nằm trong công suất sản xuất của các máy móc mà Công ty đã đăng ký ban đầu với cơ quan cấp phép, cơ quan quản lý môi trường vào năm 2007.

- Năm 2007, Công ty đăng ký số lượng máy kéo dây thô ra thành sản phẩm (máy SAMP) là 12 máy. Từ đó đến nay, Công ty không thực hiện đầu tư thêm máy nào. Do đó, sản lượng tăng lên trong năm 2013, không phải là kết quả của việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị.

- Tháng 01 năm 2016, Công ty đã thực hiện việc sửa đổi công suất sản xuất của dự án từ 1.350 tấn/năm lên 1.870 tấn/năm và đã được Ban quản lý Khu công nghiệp VS ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ năm vào ngày 01/02/2016. Do đó, phần vượt so với công suất sản xuất kinh doanh của dự án, Công ty vẫn phải được hưởng ưu đãi thuế TNDN mà dự án đang được hưởng, cụ thể mức thuế suất ưu đãi 15%/năm và được giảm 50% số thuế phải nộp (tương đương với mức thuế suất 75% chứ không phải 25%/năm như kết luận của Cục Thuế tỉnh Bình Dương).

Thứ hai, về giá trị pháp lý của Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính và căn cứ pháp lý để xử phạt vi phạm hành chính theo Kết luận số 19247/KL-CT và Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương là: Công ty đã có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, vi phạm khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 10 của Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ là không phù hợp vì những lý do sau:

- Theo quy định tại các Điều 2, 3 và 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 thì Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính không phải là văn bản quy phạm pháp luật mà chỉ là văn bản mang tính chất hướng dẫn hoặc tham khảo trong nội bộ cơ quan thuế. Việc Cục Thuế tỉnh Bình Dương sử dụng Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính để tính lại ưu đãi thuế TNDN của Công ty là trái với quy định của pháp luật.

- Công văn số 4769/BTC-TCT được Bộ Tài chính ban hành ngày 07/4/2016, nhưng Cục Thuế tỉnh Bình Dương áp dụng hồi tố cho năm tính thuế 2013 là không phù hợp. Tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, đã được bổ sung bởi Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính và được sửa đổi bổ sung bởi Điều 10 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định đối với hoạt động đầu tư thường xuyên, có hiệu lực tại thời điểm thanh tra, cụ thể: *"Dự án đầu tư của doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế mà giai đoạn 2009 - 2013 có đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên trong quá trình sản xuất, kinh doanh không thuộc dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên này cũng được hưởng ưu đãi thuế theo mức mà dự án đang áp dụng cho thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2014".*

** Tại Văn bản số 7321/CT-KTNB ngày 03/5/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương do ông Huỳnh Đình Tr làm đại diện theo ủy quyền trình bày:* Ngày 02/10/2015, Bộ Tài chính có văn bản số 13828/BTC-TCT xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ về vấn đề thuế đầu tư thường xuyên. Ngày 24/11/2015, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 9830/VPCP-KTTH thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Văn N về vấn đề nêu trên. Bộ Tài chính cũng đã có Công văn số 200/BTC-TCT ngày 06/01/2016 xin ý kiến một số Bộ, ngành liên quan đến vấn đề này. Trên cơ sở ý kiến tham gia của Kiểm toán Nhà nước tại Công văn số 100/KTNN-CN VI ngày 20/01/2016, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1933/BKHĐT-PC ngày 22/3/2016, ý kiến của Bộ Công thương tại Công văn số 2568/BCT-KH ngày 24/3/2016, Bộ Tài chính ban hành Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 *"về việc chính sách thuế đối với hoạt*

động đầu tư thường xuyên" như sau:

"1. Về xác định thời gian áp dụng

Doanh nghiệp đang hoạt động có hoạt động đầu tư thường xuyên trong giai đoạn từ năm 2009 - năm 2013 thì hoạt động đầu tư thường xuyên không phải là hoạt động đầu tư mở rộng và được hưởng ưu đãi thuế TNDN mà dự án đang áp dụng.

2. Về tiêu chí xác định đầu tư thường xuyên:

- Hoạt động đầu tư thường xuyên là hoạt động được thực hiện từ 1 trong 3 nguồn độc lập để đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên cho dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN, bao gồm:

(1) Quỹ khấu hao cơ bản tài sản cố định của doanh nghiệp.

(2) Sử dụng lợi nhuận sau thuế tái đầu tư.

(3) Sử dụng vốn trong phạm vi vốn đầu tư đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên từ các nguồn nêu trên phải đảm bảo Điều kiện không tăng công suất sản xuất kinh doanh theo đề án kinh doanh đã đăng ký hoặc được phê duyệt của dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư có ghi quy mô của dự án thì việc đầu tư thường xuyên có tăng quy mô so với giấy chứng nhận đầu tư đã cấp sẽ không được coi là đầu tư thường xuyên và không được hưởng ưu đãi thuế TNDN; Trường hợp nếu trên Giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư không ghi quy mô của dự án, hoặc các đơn vị chỉ bổ sung, thay thế máy móc thiết bị thường xuyên và không thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận đầu tư thì sẽ không áp dụng theo tiêu chí này.

Trường hợp nếu doanh nghiệp có hoạt động đầu tư thường xuyên làm tăng công suất sản xuất kinh doanh so với giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư thì không áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ phần vượt so với công suất sản xuất kinh doanh của dự án ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư".

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 463023000009 ngày 08/01/2007 do Ban quản lý Khu công nghiệp VS cấp, mức sản lượng đăng ký của Công ty là 1.350 tấn/năm, đến lần thay đổi thứ 5 ngày 01/02/2016 vẫn giữ mức sản lượng 1.350 tấn/năm (không thay đổi).

Trong biên bản xác nhận số liệu ngày 21/10/2016 giữa Công ty với Đoàn Thanh tra, thì sản lượng thực tế năm 2013 của Công ty là 1.737 tấn (vượt so với mức đăng ký 1.350 tấn/năm). Công ty có cung cấp cho Đoàn Thanh tra bản cam kết bảo vệ môi trường do đơn vị tự lập, Công ty đăng ký số lượng máy là 12 cái, nên không đủ cơ sở pháp lý để xem là dự án đầu tư có thời gian thực hiện dự án kéo dài và chia ra thành nhiều hạng mục đầu tư đăng ký với cơ quan cấp phép. Việc đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 2009 – 2013 được xem là hoạt động đầu tư thường xuyên, do đó Công ty không được ưu đãi về thuế TNDN cho năm 2013.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Luật sư Nguyễn Văn P có ý kiến*: Người bị kiện đã cung cấp cho Tòa án Văn bản số 7321/CT-KTNB ngày

03/5/2017 nêu rõ ý kiến về việc giải quyết vụ án và gửi kèm Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính. Người bị kiện không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa vào ngày 11/7, ngày 18/7 và ngày 13/11/2017, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng thời cho rằng: Công ty luôn thực hiện việc kê khai thuế đầy đủ, Đoàn Thanh tra căn cứ vào Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính, không phải là văn bản quy phạm pháp luật để tính lại thuế rồi cho rằng Công ty có hành vi kê khai thuế sai là không đúng. Trường hợp Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính có hiệu lực pháp luật thì hiệu lực áp dụng kể từ thời điểm nào? Có được phép hồi tố hay không cũng không có quy định rõ. Do đó, việc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương căn cứ kết luận thanh tra thuế để truy thu thuế và xử phạt đối với Công ty là không phù hợp với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến chính sách khuyến khích đầu tư vì môi trường hoạt động không ổn định. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, buộc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương hoàn trả lại số tiền 2.562.548.901 đồng mà Công ty đã nộp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến: Qua công tác thanh tra thuế tại Công ty, Đoàn Thanh tra phát hiện Công ty có hành vi vi phạm trong việc kê khai thuế, cụ thể: Thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2013 tăng lên nhưng Công ty không kê khai nộp thuế, dẫn đến nộp thiếu số thuế là 1.539.253.304 đồng. Do đó, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty là đúng quy định, căn cứ để Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương xử phạt là các văn bản quy phạm pháp luật về thuế chứ không phải Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện. Nhận thấy: Quyết định xử phạt vi phạm về thuế đối với Công ty chỉ ghi tên người đại diện theo pháp luật là ông J P là không đảm bảo về mặt hình thức, vì Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật là ông G M và ông J P. Tuy nhiên, đây là quyết định xử phạt đối với pháp nhân chứ không phải là cá nhân và Công ty đã thực hiện xong việc nộp thuế nên không ảnh hưởng. Theo kết quả thanh tra thuế xác định: Năm 2013, sản lượng của Công ty tăng lên so với quy mô sản xuất đăng ký, năng suất tăng lên là do đầu tư thiết bị máy móc, nhưng phần sản lượng thực tế tăng lên Công ty không kê khai nộp thuế là có thiếu sót. Do đó, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty là đúng quy định tại Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật về thuế. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của người khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện; quan điểm của Viện kiểm sát; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/4/2017, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA (gọi tắt là Công ty) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy toàn bộ Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty và yêu cầu Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương hoàn trả lại số tiền 2.562.548.901 đồng mà Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước nên đây là vụ án "khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế", vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 118 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án án nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Công văn số 25/TA-HC ngày 21/7/2017 và Công văn số 40/TA-HC ngày 23/8/2017 về việc đề nghị Bộ Tài chính cung cấp thông tin về cơ sở pháp lý để ban hành Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính (bút lục 255, 263). Tuy nhiên, tính đến ngày 23/10/2017 (đã hơn 03 tháng), Tòa án vẫn không nhận được văn bản phúc đáp của Bộ Tài chính nên Hội đồng xét xử phải tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về thẩm quyền ban hành văn bản: Căn cứ quy định tại Điều 76 của Luật quản lý thuế, điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 44 của Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 2, Điều 4 Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ Tài chính về việc *"quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế"* thì việc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

[4] Về nội dung: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA (gọi tắt là Công ty) thành lập vào năm 2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463023000009 ngày 08/01/2007 do Ban quản lý khu Công nghiệp VS cấp. Theo giấy chứng nhận đầu tư trên, Công ty có tổng vốn đầu tư là 158.242.230.000 đồng; diện tích dự án là 12.000m^2; Quy mô của dự án vào năm sản xuất ổn định là 1.350 tấn/năm. Các ưu đãi đối với dự án: Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động và 28% trong các năm tiếp theo; Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo (bút lục 83). Sau 04 lần đăng ký thay đổi, cụ thể: Vào các ngày 27/02/2007, 20/5/2008, 01/7/2009 và 15/9/2014, Công ty chỉ thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty chứ không thay đổi bổ sung về vốn đầu tư và quy mô của dự án. Đến Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký thay đổi lần thứ năm là ngày 01/02/2016, Công ty mới đăng ký thay đổi về quy mô sản xuất từ 1.350 tấn/năm lên 1.870 tấn/năm (bút lục 128) và theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đăng ký thay đổi lần thứ bảy: ngày

06/7/2017, Công ty đăng ký người đại diện theo pháp luật là ông G M và ông J P (bút lục 239).

[5] Thực hiện theo Quyết định số 6265/QĐ-CT ngày 14/10/2016 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương về việc thanh tra thuế tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA niên độ từ năm 2012 đến 2015 (bút lục 147). Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty. Qua thanh tra, Đoàn Thanh tra có lập biên bản xác nhận số liệu thanh tra ngày 21/10/2016; biên bản thanh tra thuế ngày 23/11/2016 (không có chữ ký của đại diện Công ty); biên bản làm việc ngày 21/12/2016 về việc Công ty chậm ký biên bản thanh tra thuế và Báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/12/2016, xác định: Công ty có *"hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được hoàn"*, Đoàn Thanh tra đã tính lại thuế theo hướng dẫn tại Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính về việc *"chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư thường xuyên"* và xác định Công ty còn nộp thiếu số tiền thuế năm 2013 là 1.539.253.304 đồng (bút lục 148-151; 155-160). Ngày 30/12/2016, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Kết luận số 19247/KL-CT và Quyết định số 7964/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty tổng số tiền 2.562.548.901 đồng vì đã vi phạm khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ *"quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế"*. Mặc dù, không đồng ý với quyết định trên của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương, nhưng Công ty vẫn nộp đủ số tiền phạt theo các Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số: 20170119VNTN8109, số: 20170119VNTN8123 và số: 20170119VNTN8135 ngày 19/01/2017 (bút lục 59, 62, 65).

[6] Nhận thấy, theo các giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì từ năm 2007 cho đến nay, Công ty không có hoạt động đầu tư mới hay đầu tư mở rộng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2013, Công ty có đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên cho dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN là 31.113.519.889 đồng, thể hiện tại Biên bản xác nhận số liệu thanh tra ngày 21/10/2016, nên công suất sản xuất của Công ty năm 2013 tăng lên 1.737 tấn/năm và năm 2014 là 1.878 tấn/năm (bút lục 108, 109).

[7] Do giai đoạn năm 2009 đến năm 2013, Pháp luật về Thuế chỉ quy định hoạt động *"đầu tư mới"* và *"đầu tư mở rộng"* chứ không có quy định về hoạt động *"đầu tư thường xuyên"* nên cơ quan Thuế đã có những quan điểm không đúng, xem hoạt động *"đầu tư thường xuyên"* của doanh nghiệp là hoạt động *"đầu tư mở rộng"* để xử phạt vi phạm hành chính về thuế, truy thu thuế … Do đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 về việc *"hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp"*. Tuy nhiên, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính cũng không có quy định đối với hoạt động *"đầu tư thường xuyên"*, nên ngày 10/10/2014 Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư số 151/2014/TT-BTC để bổ sung thêm điểm e và điểm g vào khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể tại Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính đã bổ sung thêm điểm g như sau: "*Dự án đầu tư của doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế mà giai đoạn 2009 - 2013 có đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên trong quá trình sản xuất, kinh doanh không thuộc dự án đầu tư*

mới và dự án đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên này cũng được hưởng ưu đãi thuế theo mức mà dự án đang áp dụng cho thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2014".

[8] Do Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính chỉ hướng dẫn *"từ kỳ tính thuế năm 2014"*, chứ không đề cập đến giai đoạn năm 2009 đến 2013. Vì vậy, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 hướng dẫn *"chính sách thuế đối với hoạt động đầu tư thường xuyên"* cho giai đoạn 2009 đến 2013, theo đó đề ra tiêu chí xác định đầu tư thường xuyên là: "*Việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên từ các nguồn nêu trên phải đảm bảo điều kiện không tăng công suất sản xuất kinh doanh theo đề án kinh doanh đã đăng ký hoặc được phê duyệt của dự án đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN*". "*Trường hợp Giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư có ghi quy mô của dự án thì việc đầu tư thường xuyên có tăng quy mô so với giấy chứng nhận đầu tư đã cấp sẽ không được coi là đầu tư thường xuyên và không được hưởng ưu đãi thuế TNDN*"… "*Trường hợp nếu doanh nghiệp có hoạt động đầu tư thường xuyên làm tăng công suất sản xuất kinh doanh so với giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư thì không áp dụng ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập từ phần vượt so với công suất sản xuất kinh doanh của dự án ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư/giấy phép đầu tư*". Như vậy, theo tiêu chí tại công văn này thì phần thu nhập tăng thêm "*phải đảm bảo điều kiện không tăng công suất sản xuất kinh doanh theo đề án kinh doanh đã đăng ký hoặc được phê duyệt của dự án đang được hưởng"*, tức là phần công suất sản xuất tăng lên không được *"vượt so với công suất sản xuất kinh doanh của dự án ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư"*. Cho thấy, việc xác định tiêu chí như trên là không phù hợp với nội quy định tại điểm g của Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính như đã viện dẫn tại phần cuối của mục [7].

[9] Như đã nêu tại mục [6] thì sản lượng sản xuất thực tế của Công ty năm 2013 và năm 2014 là tăng (vượt) so với công suất sản xuất ghi trên giấy chứng nhận đầu tư, nên Đoàn Thanh tra đã căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính để tính lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 của Công ty đối với phần vượt so với sản lượng đăng ký. Căn cứ vào Báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/12/2016 của Đoàn Thanh tra (bút lục 148, 149), Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương ban hành Kết luận số 19247/KL-CT ngày 30/12/2016, cho rằng: Công ty có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được hoàn để ban hành Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, bởi các lẽ sau: *Thứ nhất,* Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính đưa ra tiêu chí không phù hợp với hướng dẫn tại điểm g của Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính vì theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính thì phần thu nhập tăng thêm do việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên doanh nghiệp cũng được hưởng ưu đãi thuế theo mức mà dự án đang áp dụng, chứ không đề cập đến vấn đề tăng hay không tăng công suất sản xuất; *thứ hai,* theo quy định tại Điều 2, Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính không phải là văn bản quy phạm pháp luật; *thứ ba,* Công văn số 4769/BTC-TCT của Bộ Tài chính được ban hành ngày 07/4/2016, nhưng Cục Thuế lại áp dụng để tính lại ưu đãi thuế thu

nhập doanh nghiệp của năm 2013 là không phù hợp; *thứ tư,* theo biên bản thanh tra thuế ngày 23/11/2016 (bút lục 159) thì *"số liệu báo cáo"* của Công ty so với *"số liệu Thanh tra"* là trùng khớp, nguyên nhân có sự chênh lệch là do Đoàn Thanh tra tính lại ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 4769/BTC-TCT ngày 07/4/2016 của Bộ Tài chính, nên không có căn cứ xác định Công ty khai sai.

[10] Ngoài ra, theo kết quả Thanh tra thì năm 2014, sản lượng sản xuất của Công ty cũng tăng so với công suất sản xuất kinh doanh của dự án (bút lục 117). Tuy nhiên, theo xác nhận của Cục Thuế tỉnh Bình Dương tại Công văn số 19181/CT-TTr2 ngày 29/12/2016 và Công văn số 13550/CT-TTr2 ngày 11/8/2017 thì *"Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức mà dự án đang áp dụng"*, nhưng năm 2013 Công ty lại không được áp dụng là không phù hợp.

[11] Mặt khác, qua xem xét nội dung Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty, nhận thấy: Quyết định không quy định về quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định; đồng thời, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Trách nhiệm Hữu hạn hai thành viên trở lên (đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 02/12/2015) và theo như đã nêu tại mục [4] thì người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông G M và ông J P, nhưng nội dung quyết định chỉ ghi tên ông J P là người đại diện theo pháp luật của Công ty là chưa phù hợp, vi phạm quy định tại điểm đ và điểm i khoản 1 Điều 68 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[12] Từ những nhận định tại mục [4] đến mục [11] nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA khởi kiện và ý kiến của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty, buộc Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho Công ty số tiền đã nộp là có căn cứ. Không chấp nhận ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đưa ra. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu của người khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận nên người bị kiện phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115, 116, 118, 130, khoản 1 Điều 164, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, khoản 3 Điều 345, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 76 của Luật quản lý thuế; điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 44, Điều 68 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 2, Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Điều 2, Điều 4 Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ Tài chính về việc *"quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng*

Cục thuế"; khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính; Điều 5 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA đối với người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương.

Hủy Quyết định số 7964/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Buộc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA số tiền 2.562.548.901 đồng mà Công ty đã nộp tại các Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước số 20170119VNTN8109, số 20170119VNTN8123 và số 20170119VNTN8135 ngày 19/01/2017.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Dương phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA không phải nộp. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn HTA số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0010613 ngày 12/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Báo cho người khởi kiện biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị kiện vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Cường